

Số: 04/2025/NQ-HĐND

Cà Mau, ngày 28 tháng 4 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư từ ngân sách nhà nước thực hiện chính sách đầu tư trong lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp;

Xét Tờ trình số 71/TTr-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về dự thảo Nghị quyết quy định về mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư từ ngân sách nhà nước thực hiện chính sách đầu tư trong lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau; Báo cáo thẩm tra số 41/BC-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định về mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư từ ngân sách nhà nước thực hiện chính sách đầu tư trong lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư từ ngân sách nhà nước thực hiện chính sách đầu tư trong lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 15 và khoản 3 Điều 27 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có liên quan đến hoạt động bảo vệ, phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 3. Mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư từ ngân sách nhà nước thực hiện chính sách đầu tư trong lâm nghiệp

1. Mức hỗ trợ đầu tư bảo vệ rừng đặc dụng

a) Ban quản lý rừng đặc dụng, ban quản lý rừng phòng hộ được cấp kinh phí bảo vệ rừng trên tổng diện tích rừng đặc dụng được giao, ngoài kinh phí sự nghiệp

thường xuyên cho các hoạt động của bộ máy ban quản lý rừng với mức: 225.000 đồng/ha/năm tại các xã vùng ven biển; 180.000 đồng/ha/năm tại các xã khu vực II, III và 150.000 đồng/ha/năm đối với các xã còn lại;

b) Cộng đồng dân cư; tổ chức kinh tế bao gồm doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và tổ chức kinh tế khác được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật (trừ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được Nhà nước cho thuê đất để trồng rừng sản xuất); đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân được giao rừng; tổ chức khoa học và công nghệ, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp về lâm nghiệp, được cấp kinh phí bảo vệ rừng trên tổng diện tích rừng đặc dụng được giao với mức 750.000 đồng/ha/năm tại các xã vùng ven biển; 600.000 đồng/ha/năm tại các xã khu vực II, III và 500.000 đồng/ha/năm đối với các xã còn lại;

c) Chi phí lập hồ sơ lần đầu về bảo vệ rừng cho cộng đồng dân cư là 50.000 đồng/ha; kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu bảo vệ rừng là 07% trên tổng kinh phí chi cho bảo vệ rừng hằng năm.

2. Mức hỗ trợ đầu tư khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung thuộc quy hoạch rừng đặc dụng

a) Chủ rừng là tổ chức, cộng đồng dân cư thực hiện khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên được cấp 1.500.000 đồng/ha/năm trong thời gian 06 năm đối với diện tích tại các xã vùng ven biển; 1.000.000 đồng/ha/năm trong thời gian 06 năm đối với diện tích tại các xã còn lại;

b) Chủ rừng là tổ chức, cộng đồng dân cư thực hiện khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung được cấp 2.000.000 đồng/ha/năm trong 3 năm đầu và 1.000.000 đồng/ha/năm trong 03 năm tiếp theo;

c) Chi phí lập hồ sơ lần đầu cho khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên là 50.000 đồng/ha; chi phí lập hồ sơ thiết kế, dự toán khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung được xác định bằng dự toán được duyệt; kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung là 07% trên tổng kinh phí chi cho khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung hằng năm.

3. Mức đầu tư trồng rừng mới, nuôi dưỡng rừng tự nhiên, làm giàu rừng đặc dụng

Chủ rừng là tổ chức, cộng đồng dân cư thực hiện trồng rừng mới, nuôi dưỡng rừng tự nhiên, làm giàu rừng đặc dụng được đầu tư theo định mức kinh tế kỹ thuật, thiết kế, dự toán công trình lâm sinh được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (không bao gồm công trình phụ trợ, rào chắn, kè giám sòng,...) với mức đầu tư không quá 180 triệu đồng/ha đối với trồng mới và không quá 80 triệu đồng/ha đối với nuôi dưỡng rừng tự nhiên, làm giàu rừng đặc dụng.

4. Mức hỗ trợ đầu tư bảo vệ rừng phòng hộ

a) Ban quản lý rừng phòng hộ; doanh nghiệp nhà nước; hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư; đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân được giao rừng; tổ chức khoa học và công nghệ, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp về lâm nghiệp, được cấp kinh phí bảo vệ rừng trên tổng diện tích rừng phòng hộ được giao (đối với diện

tích không nuôi trồng thủy sản kết hợp và không khai thác gỗ từ rừng), ngoài kinh phí sự nghiệp thường xuyên cho các hoạt động của bộ máy với mức 750.000 đồng/ha/năm tại các xã vùng ven biển; 600.000 đồng/ha/năm tại các xã khu vực II, III; 500.000 đồng/ha/năm đối với các xã còn lại;

b) Ban quản lý rừng đặc dụng, Ủy ban nhân dân cấp xã đang quản lý diện tích rừng phòng hộ chưa giao, chưa cho thuê, được cấp kinh phí bảo vệ rừng trên tổng diện tích rừng được giao (đối với diện tích không nuôi trồng thủy sản kết hợp và không khai thác gỗ từ rừng), ngoài kinh phí sự nghiệp thường xuyên cho các hoạt động của bộ máy với mức hỗ trợ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

c) Chi phí lập hồ sơ lần đầu về bảo vệ rừng cho cộng đồng dân cư là 50.000 đồng/ha; kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu bảo vệ rừng là 07% trên tổng kinh phí chi cho bảo vệ rừng hằng năm.

5. Mức hỗ trợ đầu tư khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung thuộc quy hoạch rừng phòng hộ

Chủ rừng là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thực hiện khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung thuộc quy hoạch rừng phòng hộ được hỗ trợ đầu tư theo mức quy định tại khoản 2 Điều này.

6. Mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư trồng rừng mới, nuôi dưỡng rừng tự nhiên, làm giàu rừng phòng hộ

Chủ rừng là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thực hiện trồng rừng mới, nuôi dưỡng rừng tự nhiên, làm giàu rừng phòng hộ đối với diện tích không nuôi trồng thủy sản kết hợp và không khai thác gỗ từ rừng được đầu tư theo mức quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với diện tích có nuôi trồng thủy sản kết hợp, có khai thác gỗ rừng theo quy định được hỗ trợ đầu tư trồng mới năm đầu với mức không quá 55 triệu đồng/ha (chủ rừng tự chăm sóc, bảo vệ các năm tiếp theo).

7. Mức hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ

Chủ rừng là hộ gia đình người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số, cộng đồng dân cư đang sinh sống ổn định tại xã ven biển, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định của Thủ tướng Chính phủ thực hiện trồng rừng sản xuất, trồng cây lâm sản ngoài gỗ trên diện tích đất được giao, được cho thuê thuộc quy hoạch đất rừng sản xuất được hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ một lần 15.000.000 đồng/ha/chu kỳ để mua cây giống, vật tư, phân bón đối với trồng cây lấy gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ theo chu kỳ kinh doanh của loài cây trồng;

b) Hỗ trợ chi phí cho công tác khuyến lâm 500.000 đồng/ha/4 năm (1 năm trồng và 3 năm chăm sóc);

c) Hỗ trợ một lần chi phí khảo sát, thiết kế; chi phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu theo dự toán được duyệt.

8. Mức hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn

Hỗ trợ tín dụng cho chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân đầu tư trồng rừng gỗ

lớn trên diện tích đất lâm nghiệp được giao, được thuê bằng mức chênh lệch lãi suất vay thương mại so với lãi suất vay tín dụng đầu tư của Nhà nước, tính trên số vốn vay dư nợ thực tế tại thời điểm xem xét hỗ trợ.

9. Mức hỗ trợ kinh phí xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững

Chủ rừng có rừng trồng sản xuất, trừ chủ rừng là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, được hỗ trợ một lần để xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững với mức 400.000 đồng/ha.

10. Mức hỗ trợ đầu tư khoán bảo vệ rừng

a) Ban quản lý rừng đặc dụng, ban quản lý rừng phòng hộ, doanh nghiệp nhà nước ưu tiên thực hiện khoán bảo vệ rừng: diện tích rừng tiếp giáp khu dân cư cho hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số, hộ gia đình người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo tại xã khu vực II, III, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tại địa phương; diện tích rừng tiếp giáp với khu vực có nguy cơ cao về xâm hại tài nguyên rừng. Mức kinh phí khoán bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ bằng 750.000 đồng/ha/năm tại các xã vùng ven biển; 600.000 đồng/ha/năm tại các xã khu vực II, III và 500.000 đồng/ha/năm đối với các xã còn lại;

b) Chi phí lập hồ sơ lần đầu cho khoán bảo vệ rừng là 50.000 đồng/ha; kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu bảo vệ rừng là 07% trên tổng kinh phí chi cho bảo vệ rừng hằng năm.

11. Trợ cấp gạo bảo vệ và phát triển rừng

Hộ gia đình nghèo, hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số tại xã khu vực II và III thực hiện bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung, trồng rừng phòng hộ, trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ, trồng rừng để thay đổi tập quán du canh du cư, thực hiện trồng rừng thay thế nương rẫy và đối tượng khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định, được trợ cấp 15 kg gạo/khẩu/tháng trong thời gian chưa tự túc được lương thực hoặc bằng tiền tương đương với giá trị 15 kg gạo/khẩu/tháng theo giá gạo trung bình của quý được cấp có thẩm quyền công bố trên địa bàn tỉnh tại thời điểm trợ cấp.

12. Mức hỗ trợ đầu tư cơ sở sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp

a) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư sản xuất giống cây lâm nghiệp được hỗ trợ 50% tổng mức đầu tư đối với một dự án hoặc công trình: xây dựng rừng giống, vườn giống, vườn cây lâm nghiệp đầu dòng; xây dựng trung tâm sản xuất giống cây rừng chất lượng cao; xây dựng vườn ươm giống theo hồ sơ thiết kế, dự toán được phê duyệt với mức tối đa quy định tại các điểm b, c, d khoản này;

b) Hỗ trợ tối đa 55.000.000 đồng/ha đối với xây dựng rừng giống trồng mới có diện tích từ 2,0 ha trở lên, vườn giống trồng mới có diện tích từ 1,0 ha trở lên; tối đa 25.000.000 đồng/ha đối với xây dựng rừng giống chuyển hóa có diện tích từ 1,0 ha trở lên, vườn cây lâm nghiệp đầu dòng có diện tích từ 500 m² trở lên;

c) Hỗ trợ tối đa 5.000.000.000 đồng đối với một dự án hoặc công trình xây dựng trung tâm sản xuất giống cây rừng chất lượng cao có quy mô sản xuất tối thiểu 1 triệu cây/năm.

d) Hỗ trợ tối đa 300.000.000 đồng đối với một dự án hoặc công trình xây dựng mới vườn ươm giống cây lâm nghiệp bằng phương pháp nuôi cấy mô với diện tích đất xây dựng vườn ươm tối thiểu 0,5 ha.

13. Mức hỗ trợ trồng cây phân tán

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tham gia trồng cây phân tán được hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha trồng cây phân tán (quy đổi 1.000 cây/ha), trong đó: 80% kinh phí hỗ trợ để mua cây giống, phân bón; 10% chi phí nhân công trồng, chăm sóc; 10% kinh phí cho tổ chức các hoạt động quản lý, kiểm tra, giám sát thực hiện trồng cây phân tán.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 5 năm 2025.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa X, Kỳ họp thứ 19 (chuyên đề) thông qua ngày 28 tháng 4 năm 2025. /lea

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra VBQPPL);
- Bộ Tài chính (Vụ pháp chế);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Kiểm toán nhà nước khu vực V;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- BTT, Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- TT: HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công Thông tin điện tử tỉnh (đăng Công báo);
- Lưu: VT.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Thị Nhung